|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, banh hành một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực Công Thương** | | | |
| 1 | **Điều kiện đối với thương nhân nhập khẩu ô tô theo quy định tại Điều 1 Thông tư 20/2011/TT-BCT**  Điều 1 Thông tư 20/2011/TT-BCT quy định thương nhân nhập khẩu ô tô từ 09 chỗ ngồi trở xuống khi làm thủ tục nhập khẩu, ngoài việc thực hiện các quy định hiện hành, phải nộp bổ sung những giấy tờ sau cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền:   * Giấy chỉ định hoặc Giấy ủy quyền là nhà nhập khẩu, nhà phân phối của chính hãng sản xuất, kinh doanh loại ô tô đó hoặc hợp đồng đại lý của chính hãng sản xuất, kinh doanh loại ô tô đó đã được cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật: 01 (một) bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân. * Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô đủ điều kiện do Bộ Giao thông vận tải cấp: 01 (một) bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân. | Hiện tại, Điều 51 Dự thảo đã bỏ quy định “Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô đủ điều kiện do Bộ Giao thông vận tải cấp: 01 (một) bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.” Quy định liên quan đến **giấy ủy quyền hoặc giấy chỉ định của chính hãng sản xuất** không được đề cập. Có ý kiến cho rằng, quy định này chỉ là thủ tục hành chính, không phải là điều kiện kinh doanh, do đó vẫn giữ ở Thông tư. Điều này là **chưa hợp lý**, ở các điểm sau:   * Yêu cầu thương nhân nhập khẩu ô tô từ 09 chỗ ngồi trở xuống khi làm thủ tục nhập khẩu phải có thêm 2 loại giấy tờ trên, được xem là một hình thức của điều kiện kinh doanh (phải đáp ứng các yêu cầu này mới được phép nhập khẩu) theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định 118/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật đầu tư. Vì vậy, quy định tại Thông tư 20 là không còn phù hợp với yêu cầu tại Điều 7 Luật đầu tư về loại văn bản được phép quy định về điều kiện kinh doanh. * Tính hợp lý của quy định: Yêu cầu phải có Giấy ủy quyền của chính hãng có thể tạo ra ưu thế cho một số thương nhân đã có Giấy ủy quyền, những thương nhân khác không có giấy tờ này, muốn được tiếp tục kinh doanh ô tô nhập khẩu, phải mua qua một khâu trung gian là các thương nhân này (thực tế, từ khi quy định này ra đời – quy định tại Thông tư 20/2011/TT-BCT nay được nâng lên trong Dự thảo Nghị định; hàng loạt các doanh nghiệp kinh doanh ô tô nhập khẩu phải đóng cửa hoặc lâm vào tình trạng khó khăn). Điều này một mặt làm méo mó cạnh tranh giữa hai nhóm thương nhân, mặt khác cũng khiến người tiêu dùng phải trả giá cao hơn cho các sản phẩm nhập khẩu này. * Yêu cầu về Giấy ủy quyền không mang lại lợi ích nào từ góc độ quản lý (được ủy quyền hay không được ủy quyền thì vẫn là doanh nghiệp chịu trách nhiệm – Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm gì bổ sung trong trường hợp có ủy quyền so với trường hợp không có ủy quyền cả) * Yêu cầu về hợp pháp hóa lãnh sự: Đây thực chất chỉ là một bước để kéo dài thủ tục, gây khó khăn cho việc nhập khẩu, và qua đó hạn chế nhập khẩu mà không có mục tiêu quản lý nào rõ ràng (hiện tại tất cả các hàng hóa khác, kể cả các mặt hàng nhạy cảm cũng đều không còn yêu cầu về hợp pháp hóa lãnh sự).   **Chú ý:** Theo Hiệp định về tạo thuận lợi thương mại của WTO (TFA) và các cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong TPP, EVFTA đều nhấn mạnh việc loại bỏ thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự đối với các hàng hóa/giấy tờ liên quan tới hàng hóa xuất nhập khẩu. | Đề nghị **bãi bỏ Thông tư 20/2011/TT-BCT** Quy định bổ sung thủ tục nhập khẩu xe ô tô chở người loại từ 09 chỗ ngồi trở xuống  **Bỏ các yêu cầu tại Điều 1 Thông tư đó (chứ không phải là chuyển các điều kiện trong đó lên Nghị định)** |
|  | **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP về kinh doanh khí**  **Điều kiện đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (Điều 7 Nghị định 19):**   * Có kho tổng dung tích các bồn chứa tối thiểu 3.000 m3 đối với LPG; 60.000 m3 đối với LNG; 200.000 Sm3 (khối tiêu chuẩn) đối với CNG thuộc sở hữu thương nhân hoặc đồng sở hữu hoặc thuê của thương nhân kinh doanh khí tối thiểu 01 năm đối với LPG và 05 năm đối với LNG và CNG để tiếp nhận khí từ tầu hoặc phương tiện vận chuyển khác * Có số lượng chai LPG các loại (không tính chai LPG mini) đủ Điều kiện lưu thông trên thị trường thuộc sở hữu của thương nhân với tổng dung tích chứa tối thiểu 3.930.000 L (ba triệu chín trăm ba mươi nghìn lít); * Có trạm nạp LPG vào chai thuộc sở hữu được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoặc có hợp đồng thuê nạp LPG vào chai với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối khác.   Sau 02 (hai) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG, phải có trạm nạp LPG vào chai thuộc sở hữu của thương nhân;   * Có hệ thống phân phối LPG bao gồm: Cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoặc khách hàng công nghiệp và có tối thiểu 40 (bốn mươi) tổng đại lý hoặc đại lý kinh doanh LPG đáp ứng đủ Điều kiện quy định tại Nghị định này. | Đây là những điều kiện khá khắt khe và chỉ một số rất ít thương nhân đáp ứng được điều kiện này.  Kinh doanh khí nói chung và xuất nhập khẩu khí nói riêng là các hoạt động có thể ảnh hưởng trực tiếp tới an ninh công cộng, tính mạng, tài sản của Nhà nước và người dân, vì vậy việc kiểm soát bằng các điều kiện kinh doanh là cần thiết.  Tuy nhiên, các điều kiện kinh doanh phải gắn trực tiếp tới mục tiêu bảo đảm lợi ích công cộng nói trên, và phải là cơ sở để cơ quan nhà nước thực hiện mục tiêu quản lý của mình.  Các điều kiện kinh doanh hiện tại chưa đáp ứng được điều này, ví dụ:   * Nếu kho có dung tích bồn chứa thấp hơn mức tối thiểu mà Nghị định đặt ra thì nguy cơ là ở đâu? Các mức tối thiểu này dựa vào đâu để đặt ra? * Số lượng chai thuộc sở hữu của thương nhân nhiều hay ít thì ảnh hưởng gì tới các lợi ích công cộng liên quan? * Tại sao cần có trạm nạp thuộc sở hữu của thương nhân (trạm nạp cho thuê thì gây ra nguy cơ rủi ro gì cao hơn so với trạm thuộc sở hữu? – chú ý là trạm nạp của ai thì vẫn cứ phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật yêu cầu) * Trường hợp hợp đồng thuê với trạm nạp (lúc ban đầu): Bắt buộc phải có hợp đồng thuê trong Hồ sơ nhưng sau đó nếu không được cấp phép thì hợp đồng thuê này xử lý như thế nào? * Số lượng tối thiểu các tổng đại lý/đại lý (40) có ý nghĩa gì với việc bảo vệ lợi ích công cộng có thể bị ảnh hưởng bởi hoạt động nhập khẩu khí (nếu số tổng đại lý ít hơn thì có nguy hiểm hơn?)   **Chú ý là**  + việc lo đầu ra cho sản phẩm nhập khẩu là chuyện của doanh nghiệp, doanh nghiệp không có đầu ra thì không bán được hàng, không có lãi… - cơ quan nhà nước không phải lo hộ doanh nghiệp;  + việc tổ chức hệ thống phân phối với số lượng đại lý, tổng đại lý bao nhiêu tùy thuộc vào cách thức tổ chức cũng như các chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Đây thuộc vào quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được ghi nhận tại Luật doanh nghiệp. | Đề nghị **thu hẹp** điều kiện về quy mô của thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí, đặc biệt là tổng dung tích các bồn chứa, số lượng chai LPG  Đề nghị **bỏ quy định** về hệ thống phân phối LPG quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định 19 |
| 2 | **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP về kinh doanh khí**  Khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định 19 quy định, thương nhân phân phối khí phải đáp ứng điều kiện:  1. Thương nhân phân phối khí là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có các bồn chứa với tổng dung tích tối thiểu 300 m3 (ba trăm mét khối) đối với kinh doanh LPG chai; 100 m3 (một trăm mét khối) đối với kinh doanh LPG qua đường ống; 3.000 m3 (ba nghìn mét khối) đối với LNG; 10.000 Sm3 (mười nghìn mét khối tiêu chuẩn) đối với CNG thuộc sở hữu của thương nhân hoặc đồng sở hữu hoặc thuê tối thiểu một (01) năm của thương nhân kinh doanh khí.  2. Đối với thương nhân phân phối LPG kinh doanh LPG chai ngoài Điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này phải có các Điều kiện sau:  a) Có số lượng chai LPG các loại (không tính chai LPG mini) đủ Điều kiện lưu thông trên thị trường thuộc sở hữu của thương nhân với tổng dung tích chứa tối thiểu 2.620.000 L (hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn lít);  b) Có trạm nạp LPG vào chai thuộc sở hữu được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoặc có hợp đồng thuê nạp LPG vào chai với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối khác.  Sau hai (02) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện làm thương nhân phân phối LPG, phải có trạm nạp LPG vào chai thuộc sở hữu của thương nhân;  c) Có hệ thống phân phối LPG, bao gồm: Cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoặc khách hàng công nghiệp và có tối thiểu 20 (hai mươi) tổng đại lý hoặc đại lý kinh doanh LPG đáp ứng đủ Điều kiện quy định tại Nghị định này. | **Góp ý tương tự với trường hợp xuất nhập khẩu khí**  Ngoài ra, liên quan tới doanh nghiệp phân phối khí:   * Quy định về số lượng chai LPG, tổng dung tích tối thiểu 300 m2 mà thương nhân phải đáp ứng sẽ khiến trong lĩnh vực phân phối khí, chỉ có những thương nhân có tiềm lực tài chính mới có thể tham gia;   Hậu quả cho các doanh nghiệp nhỏ: những doanh nghiệp phân phối khí trước thời điểm Nghị định 19 ban hành không đáp ứng được điều kiện theo quy định của văn bản này sẽ đóng cửa, điều này dẫn tới thiệt hại rất lớn cho các thương nhân kinh doanh cũng như người lao động;   * Quy định không phù hợp với thực tiễn: Với yêu cầu về số lượng tối thiểu cơ sở vật chất mà thương nhân phân phối khí phải đáp ứng trên, đặc biệt là đối với thương nhân phân phối khí kinh doanh LPG chai, thì theo tính toán thì lượng tiêu thụ của một thương nhân sẽ là 300 tấn/tháng. Đối với những tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, dân số ít, thì sản lượng tiêu thụ dự tính từ phía cơ quan nhà nước khi đặt ra điều kiện kinh doanh.   Mặt khác, có ý kiến cho rằng việc đặt ra quy mô của doanh nghiệp “để đáp ứng yêu cầu dự trữ tối thiểu 15 ngày đối với hoạt động cung cấp LPG cho khách hàng trong hệ thống của thương nhân, phù hợp với năng lực của các thương nhân, có tính đến đặc thù của các thương nhân hoạt động ở địa bàn vùng sâu, vùng xa nơi chưa có khách hàng công nghiệp và trạm cấp LPG dành cho khu dân cư“. Đây là mục tiêu chưa phù hợp, bởi đây thuộc về yếu tố do thị trường điều chỉnh, và thương nhân sẽ phải tự tìm hiểu nhu cầu cảu thị trường để xác định nguồn cung phù hợp, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, Nhà nước không cần thiết phải can thiệp vào yếu tố vốn dĩ do thị trường điều chỉnh. | **Bổ sung quy định:**  **Sửa đổi các điều kiện đối với thương nhân phân phối khí tại Điều 9 Nghị định 19** theo hướng:  Loại bỏ các điều kiện có tính áp đặt quy mô.  Trong trường hợp giải trình hợp lý về việc quy định áp đặt quy mô của thương nhân phân phối khí phù hợp với Điều 7.1 Luật đầu tư, thì hạ thấp các điều kiện này xuống |
|  | **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP về kinh doanh khí**  Quyền và nghĩa vụ của tổng đại lý kinh doanh LPG (Điều 22, 23):   * Tổng đại lý kinh doanh LPG “lựa chọn, ký hợp đồng làm đại lý cho 03 thương nhân kinh doanh LPG đầu mối đáp ứng đủ điều kiện” * Đại lý kinh doanh LPG “lựa chọn, ký hợp đồng làm đại lý cho 01 tổng đại lý hoặc 03 thương nhân kinh doanh LPG đầu mối đáp ứng đủ điều kiện”   Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ cho thuê kho, cảng xuất khập khí (Điều 39)  “Chỉ ký hợp đồng cho thuê kho, cảng xuất nhập, giao nhận khí với thương nhân kinh doanh khí đầu mối; thương nhân là Tổng đại lý kinh doanh LPG” (khoản 1) | * Không rõ mục tiêu của quy định này * Đây là quy định có tính chất hạn chế quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp ở khía cạnh, can thiệp vào quyền tự chủ, tự quyết định đối với các hoạt động kinh doanh của mình – quyền đã được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp * Tổng đại lý, đại lý kinh doanh LPG, thương nhân kinh doanh dịch vụ cho thuê kho, cảng xuất nhập khí đã được kiểm soát bằng các điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định 19. Khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh tại Nghị định, đồng nghĩa với việc doanh nghiệp có quyền được tự chủ đối với các hoạt động kinh doanh của mình. | Đề nghị **bỏ quy định** về việc hạn chế ký kết hợp đồng của các chủ thể này, tức là bỏ quy định tại khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 39 Nghị định 19 |
|  | **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP về kinh doanh khí**  **Điều kiện đối với tổng đại lý kinh doanh LPG (Điều 11):**   * Có kho với tổng sức chứa tối thiểu 2.000 chai LPG chai thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê tối thiểu 01 năm * Có hệ thống phân phối LPG, bao gồm: Cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện và có tối thiểu 10 đại lý đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này * Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương thân kinh doanh LPG đầu mối | * Về các quy định quy mô, hợp đồng thuê…: góp ý tương tự với trường hợp cấp phép xuất nhập khẩu khí * Yêu cầu “Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối” là mâu thuẫn với quy định tại khoản 5 Điều 19, khoản 3 Điều 21 Nghị định 19 ở điểm: thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG, phân phối LPG “chỉ ký hợp đồng đại lý với thương nhân đủ điều kiện làm tổng đại lý, đại lý kinh doanh LPG”. * Theo khoản 6 Điều 12 Thông tư 03/2016/TT-BCT thì trong Hồ sơ xin cấp phép làm tổng đại lý phải có Hợp đồng ký kết với thương nhân đầu mối. * Như vậy, tại thời điểm xin giấy phép làm tổng đại lý, thương nhân không thể có được Hợp đồng này, vì các thương nhân đầu mối sẽ không ký kết hợp đồng khi thương nhân chưa có đủ điều kiện làm tổng đại lý, tức là chưa có giấy chứng nhận làm tổng đại lý kinh doanh LPG. * Hơn nữa, nếu xét tính hợp lý, thì tại thời điểm xin cấp phép làm tổng đại lý kinh doanh LPG yêu cầu thương nhân phải ký hợp đồng đại lý là tạo ra quá nhiều rủi roc ho doanh nghiệp vì trong trường hợp không được cấp phép, thương nhân sẽ rơi vào trường hợp vi phạm hợp đồng và sẽ bị phạt vi phạm. | **Đề nghị** **bỏ quy định** về quy mô tối thiể của tổng đại lý  **Đề nghị** **bỏ quy định “**Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương thân kinh doanh LPG đầu mối” tức là bỏ khoản 2 Điều 12 Nghị định 19. |
|  | **Thương nhân chủ sở hữu trạm nạp LPG vào chai**  Điều kiện trạm nạp LPG vào chai phải “thuộc sở hữu của thương nhân là thương nhân kinh doanh LPG đầu mối” (điểm a khoản 2 Điều 14)  Thương nhân chủ sở hữu trạm nạp LPG vào chai “được tổ chức nạp thuê theo hợp đồng vào chai LPG của thương nhân kinh doanh LPG đầu mối đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh LPG và có chai LPG đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường” (khoản 2 Điều 25)  “Sau hai năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG, phải có trạm nạp LPG vào chai thuộc sở hữu của thương nhân phân phối khí” (điểm b khoản 2 Điều 9) | Các quy định trên cho thấy sẽ không tồn tại thương nhân chủ sở hữu trạm nạp LPG vào chai độc lập (mà không phải là thương nhân đầu mối) – bởi ko có thị trường: nếu các chủ thể XNK, phân phối khí có thuê cũng chỉ thuê tạm thời trước khi họ bắt buộc phải có trạm nạp thuộc sở hữu của họ.  **Như vậy cần xem xét các vấn đề sau:**   * Không có lý do phù hợp nào để cấm, không cho phép thương nhân hoạt động trạm nạp LPG vào chai độc lập và đây cũng không phải là ngành, nghề cấm đầu tư, kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư * Quyền lợi của các thương nhân có trạm nạp LPG (mà không phải là thương nhân đầu mối): các thương nhân này sẽ phải đóng cửa, sang nhượng tài sản … chấm dứt hoạt động. Đây là vấn đề mà Nghị định 19 không đặt ra | **Đề nghị** **bỏ quy định** tại điểm a, khoản 2 Điều 14; điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định 19 |
| 4 | **Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón**  **Điều 8a. Điều kiện sản xuất phân bón vô cơ**  - Đối với phân vô cơ bón rễ  Cơ sở sản xuất các loại phân bón urê, DAP: Công suất phải đạt từ 100.000 (một trăm nghìn) tấn/năm trở lên;  Cơ sở sản xuất phân lân nung chảy, supe photphat đơn: Công suất phải đạt từ 50.000 (năm mươi nghìn) tấn/năm trở lên;  Cơ sở sản xuất các loại phân sunphat amôn, kali clorua, phân trộn NPK, NP, NK, PK: Công suất phải đạt từ 10.000 (mười nghìn) tấn/năm trở lên;  Cơ sở sản xuất các loại phân bón vô cơ khác: Công suất phải đạt từ 1.000 (một nghìn) tấn/năm trở lên ở dạng rắn hoặc từ 1.000.000 (một triệu) lít/năm trở lên ở dạng lỏng. Trường hợp có cả dạng rắn, lỏng, tập hợp rắn-lỏng (dạng sệt) thì công suất quy đổi phải đạt từ 1.000 (một nghìn) tấn/năm trở lên.  - Đối với phân bón lá  Cơ sở sản xuất các loại phân bón lá: Công suất phải đạt từ 1.000 (một nghìn) tấn/năm trở lên ở dạng rắn hoặc từ 1.000.000 (một triệu) lít/năm trở lên ở dạng lỏng. Trường hợp có cả dạng rắn, lỏng, tập hợp rắn-lỏng (dạng sệt) thì công suất quy đổi phải đạt từ 1.000 (một nghìn) tấn/năm trở lên. | So với Nghị định 202, Dự thảo đã bổ sung thêm điều kiện về quy mô tối thiểu đối với các doanh nghiệp sản xuất phân bón vô cơ.  Việc áp đặt về quy mô này cần được giải trình một cách hợp lý về việc phù hợp với các mục tiêu quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật đầu tư.  Đây là dạng quy định sẽ ảnh hưởng tới thị trường cạnh tranh của phân bón ở điểm, chỉ có những doanh nghiệp có tiềm lực tài chính, đáp ứng được quy mô theo quy định tại Dự thảo thì mới được tham gia vào thị trường. Điều này sẽ dẫn tới việc thị trường sẽ chỉ có một nhóm nhỏ các chủ thể kinh doanh (thường là doanh nghiệp lớn) và do đó cạnh tranh có thể bị bóp méo, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi người tiêu dùng (đặc biệt trong trường hợp này người tiêu dùng là người nông dân sử dụng phân bón – đối tượng được đánh giá là yếu thế, và thị trường phân bón vốn đã thiếu cạnh tranh nghiêm trọng).  Xét về tính hợp lý, việc yêu cầu doanh nghiệp phải đạt công suất tối thiểu dường như là sự can thiệp hành chính vào thị trường. Bởi, công suất bao nhiêu được tính dựa vào nhu cầu của thị trường và khả năng kinh doanh của doanh nghiệp. Trong trường hợp thị trường không cần và/hoặc phân bón của doanh nghiệp không có khả năng tiêu thụ, nhưng vẫn phải đạt công suất tối thiểu như quy định sẽ khiến cho doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn vì tồn kho.  Nếu mục đích (suy đoán) của quy định này nhằm đảm bảo thị trường có đủ phân bón phục vụ cho người tiêu dùng thì điều này là chưa hợp lý. Bởi phân bón trên thị trường không chỉ lấy từ nguồn trong nước mà còn ở nhập khẩu. Người tiêu dùng có thể lựa chọn từ nhiều nguồn, dựa vào chất lượng và giá cả của sản phẩm. Do đó, mục đích (suy đoán) này có thể là chưa phù hợp. | **Đề nghị** **bỏ các quy định** về công suất tối thiểu quy định tại Điều 8a |